

-(으)ㄹ지라도

dù cho, cho dù

Một dạng nhượng bộ đơn thuần ở văn phong trang trọng. Nó là -더라도 được nâng lên văn viết tiếng Hàn, hoàn toàn không mang ý trách móc như -기로서니.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Kết thúc bằng nguyên âm	-ㄹ지라도	가다 → 갈지라도
Kết thúc bằng phụ âm	-을지라도	좋다 → 좋을지라도
Kết thúc bằng ㄷ	không thêm gì	만들다 → 만들지라도
Quá khứ	-았/었을지라도	갔을지라도
Từ thường đi kèm	아무리, 비록	비록 늦을지라도
Chấp nhận cái giá	-(으)ㄹ지언정	굳을지언정

Khi nào dùng

Cách kết hợp theo quy tắc chuẩn với dạng rút gọn của ㄹ: 만들다 thành 만들지라도. Nó được viết liền như một đuôi duy nhất, và thì có thể nằm bên trong: 갔을지라도.

Mệnh đề đầu giả định một điều bất lợi; mệnh đề sau nêu điều vẫn đúng bất chấp điều đó: 아무리 어려울지라도 포기하지 않겠습니다.

Trạng từ 아무리 hoặc 비록 thường dẫn nhập nó, giống hệt như với -더라도.

So với -(으)ㄹ지언정, vốn chấp nhận cái giá để từ chối, dạng này chỉ đơn giản nhượng bộ rồi tiếp tục. Hai dạng trông giống nhau và nên phân biệt sớm.

Ví dụ trong câu

- 1 아무리 어려울지라도 포기하지 않겠습니다.
Dù khó khăn đến đâu, tôi cũng sẽ không bỏ cuộc.
- 2 비록 작을지라도 의미 있는 시작이다.
Dù nhỏ bé, đó vẫn là một khởi đầu ý nghĩa.
- 3 결과가 좋지 않을지라도 시도할 가치는 있다.
Dù kết quả không tốt, sự cố gắng vẫn đáng để thực hiện.
- 4 그가 이미 떠났을지라도 편지는 보내겠다.
Dù anh ấy đã đi rồi, tôi vẫn sẽ gửi thư.
- 5 직접 만들지라도 품질을 낮출 수는 없다.
Dù tự làm, chúng tôi cũng không thể hạ thấp chất lượng.
- 6 시간이 걸릴지라도 원칙대로 처리해야 합니다.
Dù mất bao lâu, việc này cũng phải được xử lý đúng quy trình.

So sánh với

-더라도
Cùng nghĩa, văn phong đời thường. -더라도 dùng trong văn nói; -(으)ㄹ지라도 cho thấy câu thuộc văn viết hoặc trang trọng.
힘들더라도 하세요. (văn nói) / 어려울지라도 포기하지 않겠다. (văn viết)

-(으)ㄹ지언정
Cặp cần phân biệt rõ. 지라도 nhượng bộ rồi tiếp tục; 지언정 chấp nhận cái giá để từ chối điều gì đó.
어려울지라도 하겠다. (dù sao tôi cũng sẽ làm) / 굳을지언정 받지 않겠다. (thà chết đói còn hơn)

-기로서니
기로서니 nhượng bộ để trách móc; -(으)ㄹ지라도 nhượng bộ mà không có sắc thái đó.
바쁘기로서니 연락도 못 하나? (trách móc) / 바쁠지라도 연락은 해야 한다. (nhận định)

Lưu ý

- X 직접 만들을지라도 품질은 지켜야 한다.
O 직접 만들지라도 품질은 지켜야 한다.
Gốc từ kết thúc bằng ㄹ đã có sẵn ㄹ, giống như 만들 거예요 và 만들 뿐이다.
- X 어려울지라도 굶지는 않겠다. — với nghĩa “thà chịu khổ còn hơn...”
O 굶을지언정 손을 벌리지는 않겠다.
Để chấp nhận cái giá nhằm từ chối điều gì đó, đuôi đúng là -(으)ㄹ지언정.
- X 아, 힘들지라도 해 봐.
O 아, 힘들더라도 해 봐.
-(으)ㄹ지라도 là dạng văn viết. Trong hội thoại, -더라도 là lựa chọn tự nhiên.